

Số: 6.6.6./CSTN-TCKT
No: 6.6.6./CSTN-TCKT

Tây Ninh, ngày 01 tháng 4 năm 2026
Tay Ninh, April 01, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Name of organization: Tay Ninh Rubber Joint Stock Company

- Mã chứng khoán/Stock code: TRC

- Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh.

Address: National highway No. 22B, Da Hang Hamlet, Phuoc Thanh Commune, Tay Ninh Province.

- Điện thoại/Tel: (0276) 385 3606 – 385 3232

Fax: (0276) 385 3608

- Email: taniruco@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Báo cáo thường niên năm 2025.

Annual Report in 2025.

3. Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 01/4/2026 tại địa chỉ: <http://www.taniruco.com>, mục CÔNG BỐ THÔNG TIN./This information was published on the company's website on 01/4/2026 (date), as in the link: <http://www.taniruco.com>, information disclosure section.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo thường niên năm 2025/Annual Report in 2025.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;

- Lưu: VT, P.TCKT.

Save at the Document

Control Department; F&A

Department.



Nguyễn Hồng Thái

CÔNG TY CPCS TÂY NINH
(TRC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 637/BCTN-CSTN

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2025**

Kính gửi: - Quý cổ đông.



TRC

TRC

Tây Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

I. Thông tin chung	2
1. Thông tin khái quát	2
2. Ngành nghề kinh doanh:.....	2
3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:.....	3
II. Tình hình hoạt động trong năm	3
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	3
2. Tổ chức và nhân sự:.....	5
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	7
4. Tình hình tài chính	7
5. Cơ cấu cổ đông	8
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	8
III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc	10
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	10
2. Đánh giá tình hình tài chính	11
3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	11
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị	12
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	12
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	14
3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	14
V. Quản trị công ty.....	15
1. Hội đồng quản trị	15
2. Ban kiểm soát.....	16
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.....	17
VI. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025	21

I. Thông tin chung:**1. Thông tin khái quát:**

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH
Tên tiếng Anh	: TAY NINH RUBBER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: TRC

Logo

Giấy chứng nhận ĐKDN	: Mã số doanh nghiệp: 3900242776 Đăng ký thay đổi lần thứ 7; 29/12/2024
Vốn điều lệ	: 300.000.000.000 VNĐ
Địa chỉ	: QL 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh
Số điện thoại	: 0276. 3853606 - 3853232
Số fax	: 0276. 3853608
Website	: www.taniruco.com
Mã cổ phiếu	: TRC

Quá trình hình thành và phát triển:

Trong quá trình phát triển của mình, Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh có nhiều tên gọi khác nhau qua các thời kỳ như: Nông trường quốc doanh cao su Tây Ninh (tháng 04/1975), Công ty Cao su Tây Ninh, Xí nghiệp liên hiệp Cao su Tây Ninh, Công ty TNHH MTV Cao su Tây Ninh. Năm 2006, Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn ký quyết định chuyển Công ty TNHH MTV Cao su Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh. Tháng 12/2006, tổ chức Đại hội Đồng cổ đông sáng lập lần đầu tiên của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh và hoạt động với mức vốn điều lệ là 300 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh được nhận Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 4503000058 của Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Tây Ninh, hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần cho đến thời điểm hiện nay.

Đến năm 2014, Bộ Kế hoạch & Đầu tư cấp phép Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 682/BKHĐT- ĐTRNN ngày 08/02/2014 cho Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh trực tiếp đầu tư cho dự án tại Vương quốc Campuchia.

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh đã được Đảng và Nhà nước khen tặng nhiều danh hiệu cao quý như: Anh hùng lao động, Huân chương lao động hạng nhất, Huân chương lao động hạng nhì, Huân chương chiến công hạng ba, nhiều Bằng khen của UBND Tỉnh Tây Ninh, của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Công ty đăng ký tổng cộng 24 ngành nghề kinh doanh. Trong đó, lĩnh vực kinh doanh chính: Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh cao su thiên nhiên.

Công ty đồng thời xây dựng và phát triển sản phẩm phù hợp với thị trường trong

và ngoài nước, triển khai hiệu quả các kế hoạch và mục tiêu của Công ty.

3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Hiện tại Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh đang áp dụng mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng, 07 Đội sản xuất, 01 Xưởng chế biến cao su, 01 Phòng khám đa khoa và 01 Khu Kinh doanh tổng hợp. Các bộ phận thành lập và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản trị, quản lý Công ty, đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tăng/ Giảm so với KH (%)	Tăng/ Giảm so với 2024 (%)
Diện tích khai thác công ty mẹ	Ha	4.454,38	4.521,81	4.521,81	0,00	1,51
Sản lượng khai thác công ty mẹ	Tấn	8.975	8.886	9.052	1,87	0,86
Năng suất bình quân công ty mẹ	Tấn/ha	2,0	1,95	2,0	2,56	0,00
Sản lượng tiêu thụ công ty mẹ	Tấn	9.062	9.450	8.814	-6,73	-2,74
Tổng doanh thu công ty mẹ	Tr.đồng	502.028	562.636	611.829	8,74	21,87
Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ	Tr.đồng	159.948	197.072	228.763	16,08	43,02
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	Tr.đồng	140.724	177.686	208.898	17,56	48,45
Tổng doanh thu hợp nhất	Tr.đồng	798.883		927.518		16,10
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tr.đồng	241.827		270.136		11,71
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tr.đồng	221.285		250.577		13,24
Tỷ suất LNST hợp nhất / Tổng Doanh thu	%	27,70		27,02		-2,45
Tỷ suất LNST hợp nhất / Tổng Tài sản	%	10,56		10,90		3,22
Tỷ suất LNST hợp nhất / Vốn CSH	%	14,42		15,96		10,68

Năm 2025, Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn chung của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các đơn vị thành viên. Tình hình kinh tế – chính trị thế giới tiếp tục diễn biến

phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó dự báo; lạm phát toàn cầu tuy có xu hướng hạ nhiệt nhưng vẫn duy trì ở mức cao, làm cho chi phí vật tư, nhiên liệu, nhân công và dịch vụ đầu vào tăng mạnh. Trong khi đó, giá mủ cao su trên thị trường biến động nhưng chưa tương xứng với mức tăng chi phí, biên lợi nhuận bị thu hẹp, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh trên, Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh đã chủ động bám sát chỉ đạo của Tập đoàn, phát huy tinh thần đoàn kết, linh hoạt trong điều hành, tập trung kiểm soát chi phí, nâng cao chất lượng quản lý vườn cây, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, qua đó vừa khai thác hiệu quả các điều kiện thuận lợi sẵn có, vừa hạn chế thấp nhất các tác động bất lợi, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 được giao. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 trong điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

❖ Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của lãnh đạo Tập đoàn, các ban của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, các cấp chính quyền địa phương và sự đoàn kết của toàn thể người lao động cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chung.

- Giá cao su thế giới năm 2025 vẫn duy trì ở mức khá, ổn định đảm bảo kết quả kinh doanh của Công ty đạt và vượt kế hoạch được giao.

- Công tác phòng trị bệnh trên vườn cây cao su được quan tâm chỉ đạo sâu sát, quy trình phòng trị bệnh ngày càng hoàn thiện, vườn cây thường xuyên được kiểm tra, theo dõi góp phần phát hiện bệnh sớm và xử lý đúng thời điểm... đảm bảo sinh trưởng ổn định của vườn cây, đồng thời duy trì năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Vườn cây kinh doanh thực hiện quy hoạch vô cạo sớm, trang bị vật tư đầy đủ và kịp thời, bón phân hoàn chỉnh góp phần đảm bảo khai thác đạt hiệu quả cao.

- Việc tinh gọn tổ chức quản lý từ 3 cấp xuống còn 2 cấp giúp rút ngắn khâu trung gian, giảm chồng chéo trong quản lý. Nhờ đó, hiệu quả quản lý được nâng lên, năng suất lao động cải thiện, kỷ luật sản xuất được tăng cường, góp phần sử dụng hiệu quả nguồn lực và hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao.

❖ Khó khăn:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục đối mặt với nhiều yếu tố bất lợi trên nhiều nhiều lĩnh vực, cụ thể:

- Năm 2025, kinh tế thế giới vận động trong tình trạng khó dự báo. Xung đột địa chính trị tại một số khu vực chiến lược kéo dài, lạm phát dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao... làm gia tăng chi phí sản xuất và logistics trên phạm vi toàn cầu. Do đó, giá nhiều loại nguyên, nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất biến động theo chiều hướng tăng, tạo áp lực lớn lên hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

- Điều kiện thời tiết trong nước diễn biến thất thường, nắng nóng gay gắt kéo dài vào mùa khô và mưa nhiều, mưa trái mùa vào mùa mưa, đặc biệt trong năm 2025 tình hình bão lũ liên tục (hơn 10 cơn bão) đã ảnh hưởng trực tiếp đến sinh trưởng vườn cây, làm giảm số ngày cạo hữu hiệu và ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động và tiến độ thực hiện kế hoạch sản lượng.

- Thị trường phân bón tiếp tục biến động theo xu hướng tăng, gây áp lực lớn đến chi phí sản xuất. Việc duy trì mức bón phân thấp trong thời gian dài đã khiến chất

lượng vườn cây có dấu hiệu suy kiệt, dinh dưỡng đất bị mất cân đối, ảnh hưởng trực tiếp năng suất của vườn cây. Bên cạnh đó, đất trồng cao su tại Công ty đã trải qua nhiều chu kỳ tái canh, dẫn đến tình trạng bạc màu, nghèo dinh dưỡng và suy giảm độ phì nhiêu.

- Sự cạnh tranh lao động ngày càng gay gắt giữa các khu công nghiệp lân cận và công ty; do tính chất công việc nặng nhọc, thu nhập chưa tương xứng với mặt bằng chung của địa phương đã dẫn đến sự biến động, thiếu hụt lao động ở một vài thời điểm trên vườn cây nhóm 3, ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sản lượng của Công ty.

- Việc giảm sản lượng gia công mù tại Công ty (do đã có nhà máy chế biến được xây dựng tại khu vực của các khách hàng) làm giảm hiệu quả khai thác máy móc, thiết bị, nhân lực hiện có, ảnh hưởng đến việc bố trí việc làm, thu nhập của một bộ phận người lao động.

Năm 2025, trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức đan xen, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Công ty đã chủ động, quyết liệt trong công tác lãnh đạo, điều hành; linh hoạt triển khai các giải pháp phù hợp thực tiễn, tối ưu hóa nguồn lực, kiểm soát chi phí và giữ vững nhịp độ sản xuất. Trên nền tảng truyền thống đoàn kết, cần cù và ý chí vượt khó của ngành Cao su, tập thể cán bộ, người lao động Công ty đã chung sức, đồng lòng, biến khó khăn thành động lực, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 được Tập đoàn giao.

Song song với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Công ty luôn đặt người lao động ở vị trí trung tâm. Công đoàn và các tổ chức đoàn thể đã phát huy hiệu quả vai trò cầu nối, đồng hành, kịp thời động viên và chăm lo quyền lợi người lao động, góp phần tăng cường sự đồng thuận, củng cố niềm tin và sức mạnh nội lực, giúp Công ty từng bước vượt qua khó khăn, giữ vững ổn định và hướng tới phát triển bền vững.

2. Tổ chức và nhân sự:

Ban điều hành:

1. Ông Nguyễn Hồng Thái: Tổng Giám đốc	
- Năm sinh:	1968
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Nông nghiệp
- Số lượng cổ phiếu sở hữu:	0 cổ phần
2. Ông Phan Xuân Hương: Phó Tổng Giám đốc	
- Năm sinh:	1968
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Nông nghiệp
- Số lượng cổ phiếu sở hữu	0 cổ phần
3. Ông Hồ Trung Nghĩa: Phó Tổng Giám đốc, kiêm Tổng giám đốc Công ty Tây Ninh Siêm Riệp - PTCS	
- Năm sinh:	1981
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Số lượng cổ phiếu sở hữu:	0 cổ phần
4. Bà Trần Thị Tố Anh: Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính Kế toán	
- Năm sinh:	1987
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Số lượng cổ phiếu sở hữu:	0 cổ phần

Những thay đổi trong ban điều hành năm 2025: Bổ nhiệm Ông Phan Xuân Hương

vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/5/2025.

Cơ cấu lao động Công ty: (Bình quân năm 2025)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Toàn Công ty	1.270	100
2	Lao động khối văn phòng	103	8,11
3	Lao động khối trực tiếp sản xuất	1.143	90
4	Lao động y tế và Khu kinh doanh tổng hợp	24	1,89

Năm 2025, tỷ lệ lực lượng lao động phân bổ tương đối hợp lý giữa các cấp, đơn vị, phòng nghiệp vụ; tỷ lệ lao động gián tiếp - văn phòng chiếm 6,55% so với định mức lao động trực tiếp. Trình độ lãnh đạo, quản lý và nhân viên văn phòng thì được nâng cao; trình độ tay nghề khai thác của công nhân được đào tạo, kiểm tra định kỳ, đảm bảo quy định của quy trình khai thác cao su theo tiêu chuẩn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Công tác quy hoạch vào các vị trí chủ chốt, vị trí quản lý các cấp đảm bảo tính thực tiễn, hợp lý, tính kế thừa, độ tuổi; giúp cho Công ty có khả năng duy trì hoạt động lãnh đạo, quản lý Công ty ổn định trong những năm tiếp theo.

Các chính sách đối với người lao động:

Chính sách tuyển dụng

Công ty tuân thủ các yêu cầu pháp luật về tuyển dụng và sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chính sách lương, thưởng

Tiền lương được chi trả căn cứ theo hợp đồng lao động, khối lượng, chất lượng công việc người lao động thực hiện và theo quy chế trả lương do Công ty ban hành:

+ Đối với lao động trực tiếp: lương khoán theo sản phẩm, tiền lương gắn với kết quả lao động.

+ Đối với lao động gián tiếp: áp dụng theo hình thức lương theo nguyên tắc làm công việc gì thì trả lương theo công việc đó, thực hiện quy chế trả lương Công ty.

Chính sách đào tạo

Cán bộ - công nhân viên tuyển dụng sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, tay nghề nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty.

Công ty có kế hoạch đào tạo ngắn hạn hằng năm và dài hạn cho các đối tượng theo quy định của pháp luật cũng như theo quy hoạch phát triển của Công ty.

Chính sách phúc lợi, xã hội

Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (BHXH, BHYT, BHTN,...). Công ty tổ chức đối thoại định kỳ ít nhất 01 năm/lần và cuối năm tổ chức Hội nghị Người lao động để trao đổi thông tin, nắm bắt tâm tư nguyện vọng và giải đáp các thắc mắc của người lao động.

Công ty còn thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể của Công ty (tiền lễ, Tết, thăm hỏi ốm đau, khám sức khỏe, đám hi...). Hằng năm, Công ty tổ

Chính sách thưởng: Hằng năm, Công ty tiến hành đánh giá, xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng phù hợp.

chức cho cán bộ - công nhân viên của Công ty tham quan, nghỉ mát và được kiểm tra sức khoẻ định kỳ... Các hoạt động văn thể mỹ cũng được Công ty chú trọng đầu tư và tổ chức hợp lý nhằm đảm bảo cho CBCNV một môi trường làm việc lành mạnh và văn minh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

STT	Tên Công ty	Vốn Điều lệ	Thực góp đến 31/12/2025	Tỷ lệ lợi ích
1	Đầu tư vào công ty con			
1.1	Công ty Tây Ninh Siêm Riệp - PTCS	1.360.692.000.000	968.839.917.788	100%
2	Đầu tư vào công ty liên kết			
2.1	Công ty CPCB&XNK Gỗ Tây Ninh	50.000.000.000	24.500.000.000	49%
3	Đầu tư dài hạn khác			
3.1	Công ty CPCS Dầu Tiếng - Lào Cai	400.000.000.000	36.951.850.950	15,2%
3.2	Công ty CP TMDV&DL Cao su	427.000.000.000	8.661.170.000	2,3%
3.3	Công ty CP PTĐT&KCN Cao su Việt Nam	258.948.700.000	17.660.000.000	6,8%
3.4	Công ty CPCS Việt Lào	775.000.000.000	77.500.000.000	10%

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh không thực hiện đầu tư góp vốn vào các dự án đầu tư.

Nhìn chung các dự án đầu tư đều mang lại hiệu quả tốt, năm 2025 tổng doanh thu tài chính đạt 78,81 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất (87%) là cổ tức từ các khoản đầu tư góp vốn và lợi nhuận được chia, trong đó: Lợi nhuận góp vốn từ Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS (Công ty con) là 54,16 tỷ đồng, cổ tức từ Công ty CPCS Việt Lào 8,23 tỷ đồng, Công ty CP Phát triển Đô thị & KCN CSVN 6,18 tỷ đồng; 13% còn lại là doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và chênh lệch tỷ giá.

4. Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	DVT	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/Giảm (%)
1	Tổng giá trị tài sản hợp nhất	Tr.đồng	2.194.074	2.401.917	9,47
2	Doanh thu thuần hợp nhất	Tr.đồng	798.883	927.518	16,10
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh hợp nhất	Tr.đồng	208.947	216.245	3,49
4	Lợi nhuận khác hợp nhất	Tr.đồng	32.880	53.891	63,90
5	Lợi nhuận trước thuế hợp	Tr.đồng	241.827	270.136	11,71

	nhất				
6	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tr.đồng	221.285	250.577	13,24
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	25	Tối thiểu 30	

Kết quả thực hiện trong năm 2025 tăng so với năm 2024 với các chỉ tiêu tài chính:

- Chỉ tiêu Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất tăng 3,49% nguyên nhân chủ yếu từ việc giá bán bình quân mủ cao su tăng ở cả Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh và Công ty con - Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS (Vương quốc Campuchia), dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh mủ cao su tăng so với cùng kỳ năm 2024.

- Chỉ tiêu Lợi nhuận khác hợp nhất tăng 63,90% là do doanh thu bán cây cao su thanh lý tăng dẫn đến lợi nhuận khác tăng so với cùng kỳ năm 2024.

5. Cơ cấu cổ đông: (Ước tính tại 16/01/2026)

Với tổng số lượng cổ phiếu lưu hành là 30.000.000 cổ phiếu (tương ứng vốn điều lệ 300 tỷ đồng), cơ cấu được phân bổ:

Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam (GVR)	18.000.000	60,00%	Cổ đông Nhà nước
Ông Trần Hoàng Tuấn	1.517.400	5,06%	Cổ đông lớn cá nhân
Các cổ đông còn lại	10.482.600	34,94%	Cổ đông nhỏ lẻ
Tổng cộng:	30.000.000	100%	

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội:

a. Tác động lên môi trường:

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai các giải pháp quản lý môi trường theo định hướng phát triển bền vững, tập trung vào tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải và tuân thủ quy định pháp luật.

- Giảm phát thải và kiểm soát ô nhiễm:

- Sử dụng khí LPG sấy mủ cốm, giảm phát thải khí nhà kính.

- Áp dụng định mức tiêu hao nhiên liệu, vận hành sản xuất vào giờ thấp điểm nhằm tiết kiệm năng lượng.

- Tối ưu hệ thống xử lý nước thải (cân bằng C/N), giảm sử dụng hóa chất nhưng vẫn đảm bảo nước thải đầu ra đạt QCVN 01-MT:2015/BTNMT (cột A).

- Kiểm soát các chỉ tiêu môi trường luôn nằm trong giới hạn cho phép.

- Quản lý tài nguyên và nguyên vật liệu:

- Sản lượng mủ cao su quy khô đạt 9.052 tấn, vượt 1,87% kế hoạch.

- Nguyên liệu được cung cấp từ 07 đội sản xuất trực thuộc, đảm bảo tính chủ động và truy xuất nguồn gốc.

- Tỷ lệ nguyên liệu tái chế/tận thu đạt 5,3%, góp phần giảm phát sinh chất thải.
- Tiêu thụ năng lượng:
 - Tổng điện năng sử dụng: 2.335.190 kWh
 - Giảm được: 82.113 kWh so với năm 2024
 - Giải pháp thực hiện: sử dụng đèn LED, tận dụng ánh sáng tự nhiên, phân vùng chiếu sáng, lắp tụ bù, tối ưu dây chuyền sản xuất và kiểm soát định mức tiêu thụ điện.
- Quản lý và sử dụng nước:
 - Tổng lượng nước sử dụng: 162.409 m³
 - Nước tái sử dụng: 27.603 m³ (17%) từ nguồn nước thải sau xử lý đạt chuẩn
→ Giảm khai thác nước ngầm, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước.
 - Tuân thủ pháp luật:
 - Không phát sinh vi phạm hoặc bị xử phạt về môi trường trong năm.

b. Tác động xã hội:

Công ty chú trọng phát triển bền vững gắn với trách nhiệm xã hội:

- Duy trì việc làm ổn định cho người lao động tại các đơn vị sản xuất và chế biến.
- Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường thông qua đào tạo, tuyên truyền.
- Duy trì và áp dụng các hệ thống quản lý ISO 9001, ISO 14001 và tiêu chuẩn VFCS/PEFC-CoC, EUDR góp phần minh bạch và bền vững chuỗi cung ứng.
- Chuẩn bị kế hoạch triển khai ISO 14067 dấu chân Các bon vòng đời sản phẩm.

c. Chính sách liên quan người lao động:

Lao động sử dụng bình quân: 1.270 người

Thu nhập bình quân toàn công ty: 14.177.988 đồng/người/tháng

Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Hàng năm Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 năm/lần đối với lao động gián tiếp và 2 lần/năm đối với lao động trực tiếp sản xuất tại Phòng khám đa khoa của Công ty. Các hồ sơ khám sức khỏe đều được lưu lại, chuyển thông tin về đơn vị trực thuộc để thông báo cho người lao động.

Bên cạnh đó, trong năm 2025 Công ty tổ chức định kỳ các lớp huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động hằng năm cho các nhóm đối tượng như: Nhóm 1: 21 người; Nhóm 2: 11 người; Nhóm 3: 118 người; Nhóm 4: 1.057 người; Nhóm 5: 11 người; Nhóm 6: 37 người. Tổng cộng có 1.255 người tham dự.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tây Ninh: tuyên truyền được 07 cuộc, với hơn 971 lượt người dự. Nội dung tuyên truyền: Luật phòng, chống ma túy; Luật phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; Luật an toàn giao thông đường bộ...

Ngoài ra, Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể của Công ty (thăm hỏi ốm đau, tử tuất, tham quan, nghỉ mát ...). Bên cạnh đó, để giúp cán bộ công nhân viên thư giãn và tăng cường sức khỏe, công ty phối hợp với công đoàn Công ty tổ chức các buổi giao lưu văn nghệ,

thể thao vào các dịp kỷ niệm, ngày lễ trong năm.

- Hoạt động đào tạo của người lao động:

Trong năm 2025, Công ty tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn như sau:

- + Huấn luyện định kỳ ATVSLĐ
- + Tham dự xây dựng phần mềm truy vết chuỗi hành trình sản phẩm cao su thích ứng quy định EUDR
- + Tập huấn về quy định chống mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR)
- + Tập huấn CSI 100
- + Tập huấn " Cập nhật và triển khai thực hiện chính sách mới về BHXH cho doanh nghiệp"
- + Đào tạo nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu
- + Đào tạo về " Xây dựng và vận hành hệ thống QLNL theo ISO 50001"
- + Tham dự hội thảo phát triển bền vững doanh nghiệp cao su " Thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và ứng dụng AI"
- + Tham dự chương trình hướng dẫn thực hiện quy định EUDR trong chuỗi cung ứng gỗ và cao su
- + Huấn luyện quân sự cho lực lượng tự vệ

Tổng kinh phí đào tạo năm 2025 : 688.128.173 đồng.

d. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương:

Công ty đã thực hiện nhiều chương trình Hỗ trợ trẻ em, hỗ trợ người nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam, trung tâm bảo trợ, học bổng, quỹ khuyến học tại các địa phương; Xây nhà tình thương, Đại đoàn kết, nhà đồng đội; Hỗ trợ làm đường, xây cầu, cầu treo, cầu khí (Hỗ trợ XD nông thôn mới); Hỗ trợ UBND, CCB, MTTQ, TNXP, Hội Liên Hiệp Phụ Nữ; Đóng góp các quỹ; Hỗ trợ các chương trình cho các hoạt động an sinh xã hội khác trong năm với tổng số tiền 1.600.410.000 đồng.

III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	ĐVT	2024	2025	Tăng/ Giảm (%)
Tổng doanh thu hợp nhất	Triệu đồng	798.883	927.518	16,10
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đồng	241.827	270.136	11,71
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Triệu đồng	221.285	250.577	13,24

Năm 2025, trong bối cảnh thị trường thế giới nói chung và thị trường cao su nói riêng có nhiều biến động khó lường, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh. Nhờ đó, kết quả đạt được nhiều chỉ tiêu tăng trưởng tích cực so với năm 2024.

Năm 2025 đánh dấu sự tăng trưởng tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh

của Công ty CP Cao su Tây Ninh (TRC). Theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán, tổng doanh thu của công ty đạt 927.518 triệu đồng, tăng 16,10% so với năm 2024 (798.883 triệu đồng). Kết quả này phản ánh hiệu quả kinh doanh được cải thiện rõ rệt.

Đáng chú ý, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 250.577 triệu đồng, tăng 13,24% so với mức 221.285 triệu đồng của năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu là do giá bán bình quân mủ cao su tăng đáng kể. Cụ thể, giá bán bình quân năm 2025 đạt 50,37 triệu đồng/tấn, tăng 9,88% so với mức 45,84 triệu đồng/tấn của năm trước.

Những kết quả này phản ánh chiến lược kinh doanh hiệu quả và khả năng thích ứng linh hoạt của TRC trước biến động thị trường. Việc tận dụng cơ hội từ việc tăng giá mủ cao su cùng với quản lý chi phí hiệu quả đã giúp công ty đạt được mức tăng trưởng ấn tượng trong năm 2025. Để tiếp tục duy trì và phát huy những kết quả đạt được năm 2025, năm 2026, Công ty xác định một số định hướng trọng tâm như sau:

- + Theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình kinh tế trong và ngoài nước, chủ động xây dựng phương án kinh doanh linh hoạt.
- + Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật trong khai thác và chế biến.
- + Tiếp tục tăng cường rà soát, tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí quản lý...
- + Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, cân đối nguồn vốn hợp lý.
- + Tăng cường các giải pháp phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu về môi trường và tiêu chuẩn quốc tế.

2. Đánh giá tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Năm 2025/ Năm 2024 (%)
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
I	Tổng tài sản	2.194.074	100	2.401.917	100	9,48
1	Tài sản ngắn hạn	587.555	26,78	684.370	28,49	16,49
2	Tài sản dài hạn	1.606.519	73,22	1.717.547	71,51	6,91
II	Nguồn vốn	2.194.074	100	2.401.917	100	9,48
1	Nợ ngắn hạn	279.766	12,75	244.774	10,19	-12,51
2	Nợ dài hạn	37.527	1,71	33.212	1,38	-11,50
3	Vốn chủ sở hữu	1.876.781	85,54	2.123.931	88,43	13,17

Tổng tài sản năm 2025 tăng so với năm 2024 (tăng 207,8 tỷ đồng, tương đương 9,48%). Năm 2025 tổng tài sản cũng như cơ cấu tài sản của Công ty tăng mạnh chủ yếu là tài sản ngắn hạn (tiền gửi kỳ hạn cuối năm), tài sản được sử dụng nhằm mục đích chủ yếu là duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty (trồng, chăm sóc, chế biến và kinh doanh mủ cao su).

Công ty có khả năng tự chủ tài chính cao, chủ yếu sử dụng vốn chủ sở hữu để đầu tư. Tỷ trọng vốn chủ sở hữu đạt hơn 88%, tăng 2,89% so với năm 2024.

3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội:

Với chính sách “Phát triển bền vững” được quán triệt xuyên suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh và gắn kết với cộng đồng, Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm đối với môi trường và xã hội. Trong năm 2025, Công ty ghi nhận 04 sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, trong đó nhiều giải pháp tập trung vào tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng và tài nguyên thiên nhiên trong sản xuất chế biến mủ cao su, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và giảm thiểu tác động môi trường theo hướng bền vững.

Công ty liên tục duy trì phương án Quản lý rừng bền vững và được cấp chứng chỉ VFCS/PEFC-FM (GGC-VFCS/PEFC-SFM-00005) và PEFC-CoC (GGC-PEFC-COC-000009) cho 07 Đội sản xuất và Xưởng chế biến trực thuộc. Thực hiện đánh giá giám sát định kỳ nhằm đảm bảo tuân thủ và cải tiến liên tục.

Việc áp dụng phương án quản lý rừng bền vững và hệ thống Chuỗi hành trình sản phẩm theo tiêu chuẩn PEFC/VFCS thể hiện quyết tâm của Ban điều hành trong việc tạo ra sản phẩm “xanh”, nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo trách nhiệm đối với môi trường, cộng đồng tại địa bàn hoạt động.

Đối với quy định chống phá rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR), Công ty đã được đánh giá thích ứng, đồng thời tiếp tục hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc nhằm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu liên quan. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng kế hoạch triển khai ISO 14067 (dấu chân carbon sản phẩm) trong năm 2025, dự kiến công bố vào tháng 6/2026, cùng với kế hoạch công bố sản phẩm “VRG Green” vào tháng 6/2026, qua đó khẳng định định hướng phát triển sản phẩm thân thiện môi trường và gia tăng giá trị bền vững.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

* **Về bảo toàn và phát triển vốn:** Công ty thực hiện việc đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn theo Khoản 3 - Điều 22 - Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Cụ thể, theo Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2025:

	31/12/2025	31/12/2024
- Vốn chủ sở hữu của Công ty:	1.821.318 tr.đồng	1.648.560 tr.đồng
Trong đó:		
+ Vốn góp của CSH:	300.000 tr.đồng	300.000 tr.đồng
+ Quỹ đầu tư phát triển	1.280.862 tr.đồng	1.238.644 tr.đồng
+ Cổ phiếu quỹ:	0 tr.đồng	- 43.778 tr.đồng
+ LNST chưa phân phối:	221.891 tr.đồng	153.694 tr.đồng
- Tổng tài sản:	1.970.795 tr.đồng	1.739.499 tr.đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	208.898 tr.đồng	140.724 tr.đồng

Như vậy, trong năm 2025, Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

Các chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE), Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: ROE = 13,30%, ROA = 10,60%.

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện giải tỏa bảo lãnh tại Ngân hàng SHB HCM do Công ty Tây Ninh Siêm Riệp đã hoàn thành trả nợ vay vốn tại Ngân hàng

SHB Campuchia.

*** Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:**

- Công ty thực hiện đầu tư mua sắm tài sản phù hợp, đúng theo quy định của pháp luật, trích khấu hao tài sản, thanh lý, nhượng bán tài sản theo đúng chế độ hiện hành theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện quản lý công nợ phải thu, phải trả chi tiết theo từng khách hàng, từng đối tượng nợ. Thực hiện việc trích lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành.

- Tính đến 31/12/2025: Tổng số nợ phải thu: 11.174 triệu đồng, tổng nợ phải trả: 149.477 triệu đồng, không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn.

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn: 4,08 lần, hệ số nợ: 7,58%.

* Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước: Trong năm 2025 Công ty luôn hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Công ty đã thực hiện kê khai và nộp đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

*** Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ:**

Trong năm 2025, Công ty thực hiện Phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 ngày 27/06/2025. Cụ thể như sau:

1. Tổng LNST chưa phân phối:	153.694 tr.đồng	(1 = a + b)
- LNST chưa phân phối năm trước:	12.970 tr.đồng	(a)
- LNST năm 2024:	140.724 tr.đồng	(b)
2. Phân phối lợi nhuận:	140.701 tr.đồng	(2 = d + e)
a. Trích lập các quỹ:	67.888 tr.đồng	(d = d.1 + d.2 + d.3)
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển:	42.217 tr.đồng	(d.1)
+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi:	25.515 tr.đồng	(d.2)
+ Trích Quỹ thưởng Ban điều hành:	156 tr.đồng	(d.3)
b. Chia cổ tức:	72.813 tr.đồng	(e = e.1)
- Chia cổ tức năm 2024 (25%):	72.813 tr.đồng	(e.1)
3. LNST còn lại chưa phân phối:	12.993 tr.đồng	(3=1-2)

Công ty sử dụng các quỹ đúng theo Quy chế tài chính của Công ty:

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư các hạng mục trồng, chăm sóc vườn cây tái canh, KTCB...

- Quỹ khen thưởng dùng chi khen thưởng cho CB.CNV Công ty và các đơn vị có đóng góp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tất cả các khoản chi đều thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty và có quyết định của Tổng Giám đốc.

- Quỹ Phúc lợi dùng chi hỗ trợ CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn, chi cho các phong trào thể dục thể thao cho CB.CNV, chi hỗ trợ các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn tỉnh; xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương, nhà đại đoàn kết, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới... Các khoản chi đều có sự thống nhất giữa Tổng Giám đốc và Chủ tịch Công đoàn Công ty.

*** Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật Nhà nước:**

Công ty luôn chấp hành tốt các quy định của Nhà nước về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, các quy định về thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và các chế độ báo cáo khác theo quy định của Nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

- Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành.

- Năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và đột xuất.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc định kỳ tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh. Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy tắc tác nghiệp và quản lý, tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh đều đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc công việc quản trị Công ty theo đúng các quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ, quy chế Quản trị của Công ty CPCS Tây Ninh. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng Điều lệ, quy chế Quản trị của Công ty và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT; luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông công ty.

Hội đồng Quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Quản trị nghiên cứu và định hướng phát triển của Công ty đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 phù hợp với định hướng phát triển của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và quy hoạch của địa phương.

Hội đồng Quản trị hợp tác chặt chẽ với Ban Kiểm soát, đảm bảo cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban Kiểm soát. Hội đồng Quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban Kiểm soát. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan đến Pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty;

- Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch;
- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

1. Ông Võ Trần Minh Đăng – Phụ trách Hội đồng quản trị	
- Năm sinh:	1974
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí động học
- Số lượng cổ phiếu sở hữu:	3.001.000 cổ phần
	Trong đó:
	- Số lượng cổ phiếu được ủy quyền: 3.000.000
	- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 1.000
2. Ông Nguyễn Hồng Thái - Thành viên Hội đồng quản trị	
- Năm sinh:	1968
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Nông nghiệp
- Số lượng cổ phiếu sở hữu:	12.000.000 cổ phần
	Trong đó:
	- Số lượng cổ phiếu được ủy quyền: 12.000.000
	- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0
3. Ông Nguyễn Thái Bình - Thành viên Hội đồng quản trị	
- Năm sinh:	1965
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Số lượng cổ phiếu sở hữu:	3.000.700 cổ phần
	Trong đó:
	- Số lượng cổ phiếu được ủy quyền: 3.000.000
	- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 700
4. Ông Phan Quốc Khải - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	
- Năm sinh:	1968
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư
- Số lượng cổ phiếu sở hữu:	0 cổ phần

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Võ Trần Minh Đăng	33/33	100 %	Không có
2	Ông Nguyễn Hồng Thái	33/33	100 %	Không có

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
3	Ông Nguyễn Thái Bình	33/33	100 %	Không có
4	Ông Phan Quốc Khải	33/33	100 %	Không có

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thành viên HĐQT độc lập được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm 2025.

Kết hợp với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty:

Năm 2026, Công ty sẽ lập kế hoạch cho các thành viên HĐQT, các thành viên chưa có chứng chỉ sẽ tham gia các khóa đào tạo để hoàn chỉnh các yêu cầu quản trị công ty đại chúng.

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Đặng Thị Bông	Trưởng Ban	10/06/2022	Cử nhân kế toán
2	Ông Đỗ Phú Hồng Quân	Thành viên	23/09/2022	Cử nhân kế toán, kiểm toán
3	Bà Khúc Thị Mỹ Trinh	Thành viên	10/06/2022	Cử nhân kế toán

Ban kiểm soát Công ty CP Cao su Tây Ninh nhiệm kỳ 2022-2027 gồm có 3 thành viên. Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện 05 cuộc họp. Trong các buổi họp, các thành viên ban kiểm soát tham dự đầy đủ.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát theo các nội dung chính như sau:

- Giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát, xem xét tính phù hợp các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng

cơ bản năm 2025.

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024, báo cáo tài chính bán niên năm 2025.
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường theo đúng quy định của Luật chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của Công ty.
- Tham gia đóng góp ý kiến các dự thảo Quy chế nội bộ (sửa đổi) của Công ty.
- Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công ty để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Qua đó, tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát.

Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2025:

** Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và cổ đông:*

- Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 để chỉ đạo Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Hội đồng quản trị luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ.

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, chủ yếu tập trung vào các nội dung nhằm triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác tổ chức nhân sự, công tác tài chính, công tác đầu tư...

- Hội đồng quản trị đã triệu tập và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (ngày 27/06/2025).

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tuần, hàng tháng, hàng quý và đột xuất để đánh giá kết quả triển khai các hoạt động được giao. Các hoạt động sản xuất kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch đề ra.

- Công ty đã thực hiện tốt việc công bố thông tin theo đúng các quy định hiện hành.

** Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:*

Ban kiểm soát luôn duy trì mối quan hệ phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty và Cổ đông.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và sự phối hợp của các phòng ban nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Thực hiện năm 2025		Tổng cộng
			Lương	Thù lao	
	Hội đồng quản trị		2.882.880.000	144.000.000	3.026.880.000
1	Ông Võ Trần Minh Đăng	Phụ trách	887.040.000	48.000.000	935.040.000
2	Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên	1.077.120.000	48.000.000	1.125.120.000
3	Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên	918.720.000		918.720.000
4	Ông Phan Quốc Khải	Thành viên		48.000.000	48.000.000
	Ban Tổng giám đốc		1.446.720.000	0	1.446.720.000
1	Ông Phan Xuân Hương	Phó tổng giám đốc	591.360.000		591.360.000
2	Bà Trần Thị Tố Anh	Kế toán trưởng	855.360.000		855.360.000
	Ban kiểm soát		1.261.104.872	72.000.000	1.333.104.872
1	Bà Đặng Thị Bông	Trưởng ban	950.400.000		950.400.000
2	Bà Khúc Thị Mỹ Trinh	Thành viên	310.704.872	36.000.000	346.704.872
3	Ông Đỗ Phú Hồng Quân	Thành viên		36.000.000	36.000.000
	Cộng		5.590.704.872	216.000.000	5.806.704.872

b. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ: Không có.**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	NQ số 81/NQ-HĐQTCSTN ngày 16/01/2025	Doanh thu bán mũ cao su: 15.921.570.000 đồng
				Doanh thu bán nhiên liệu: 908.333 đồng
			NQ số 1383/NQ-HĐQTCSTN ngày 07/07/2025	Cổ tức năm 2024 đã trả: 45.000.000.000 đồng
2	Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS	Công ty con	NQ số 81/NQ-HĐQTCSTN ngày 16/01/2025	Thu lại tiền chi hộ: 1.188.682.133 đồng
				Chi hộ: 1.635.866.132 đồng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
			NQ số 1406/NQ-HĐQT CSTN ngày 09/7/2025	Lợi nhuận được chia năm 2024 đã thu: 54.160.405.878 đồng
3	Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	Công ty có vốn góp của công ty CP Cao su Tây Ninh – Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam – Công ty CP	NQ số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CSVL ngày 21/6/2025	Cổ tức năm 2024 đã thu: 8.233.018.210 đồng
4	Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	Công ty có vốn góp của công ty CP Cao su Tây Ninh – Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam – Công ty CP	NQ số 153/NQ-HĐQT ngày 01/7/2025	Cổ tức năm 2024 đã thu: 6.181.000.000 đồng
5	Công ty Cổ phần TMDV và Du lịch Cao su	Công ty có vốn góp của công ty CP Cao su Tây Ninh - Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam – Công ty CP	NQ số 81/NQ-HĐQT CSTN ngày 16/01/2025	Doanh thu bán nhiên liệu: 41.515.370 đồng
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cao Su Nghệ An	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam – Công ty CP	NQ số 81/NQ-HĐQTCS/TN ngày 16/01/2025	Doanh thu gia công mũ cao su: 2.769.902.333 đồng
				Doanh thu bóc xếp mũ cao su nguyên liệu: 19.845.700 đồng
7	Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam – Công ty CP	NQ số 81/NQ-HĐQT CSTN ngày 16/01/2025	Mua thuốc nông nghiệp, dịch vụ: 1.966.188.411 đồng
8	Công ty TNHH in Cao Su Việt Nam	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam – Công ty CP	NQ số 81/NQ-HĐQT CSTN ngày 16/01/2025	Mua vật tư: 527.050.000 đồng
9	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam – Công ty CP	NQ số 81/NQ-HĐQT CSTN ngày 16/01/2025	Mua vật tư: 139.010.000 đồng
10	Công ty TNHH MTV Trường Cao đẳng Miền Đông	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam – Công ty CP	NQ số 81/NQ-HĐQT CSTN ngày 16/01/2025	Học phí đào tạo: 3.000.000 đồng.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
11	Công ty Cổ Phần Cao su Tân Biên	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam – Công ty CP	NQ số 81/NQ-HĐQTCSTN ngày 16/01/2025	Tạm ứng tiền mua cây cao su giống: 48.800.000 đồng
12	Công ty CP Cơ khí Cao su	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam – Công ty CP	NQ số 81/NQ-HĐQTCSTN ngày 16/01/2025	Mua dịch vụ: 15.000.000 đồng

d. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

1. Công ty CPTM DV và Du lịch Cao su	Công ty có vốn góp của Công ty CP Cao su Tây Ninh - Thành viên HĐQT Công ty là Thành viên HĐQT Công ty CPTM DV và Du lịch Cao su	Bán nhiên liệu
2. Công ty CPCS Việt Lào	Công ty có vốn góp của Công ty CP Cao su Tây Ninh - Thành viên HĐQT Công ty là Thành viên HĐQT Công ty CPCS Việt Lào	Nhận cổ tức góp vốn
3. Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	Công ty có vốn góp của Công ty CP Cao su Tây Ninh - Thành viên HĐQT Công ty là Thành viên HĐQT Công ty CPCS Việt Lào	Nhận cổ tức góp vốn
4. Tập đoàn CNCS Việt Nam	Tập đoàn CNCS Việt Nam nắm giữ 60% cổ phần Công ty	Bán mũ cao su Bán nhiên liệu Trả cổ tức
5. Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS	Công ty con của Công ty CP Cao su Tây Ninh	Nhận lợi nhuận góp vốn Thu chi hộ

e. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Đối với công tác quan hệ cổ đông: Hội đồng quản trị Công ty đã làm việc, trao đổi với các cổ đông hoặc thông qua các quỹ đầu tư, các công ty chứng khoán về tình hình hoạt động, định hướng phát triển và các thông tin có liên quan đến cổ đông Công ty.

Hoạt động công bố thông tin vô cùng quan trọng và cần thiết. Vì vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty thường xuyên cập nhật các thông tin quan trọng và liên quan đến hoạt động để nhà đầu tư có thể theo dõi chi tiết tại địa chỉ website công ty: <http://www.taniruco.com.vn/>. Công ty luôn cố gắng đổi mới và thúc đẩy kênh đối thoại với các cổ đông thông qua Bộ phận công bố thông tin nhằm tiếp sức cho Ban điều hành trong công tác điều hành và quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025: (Đính kèm)

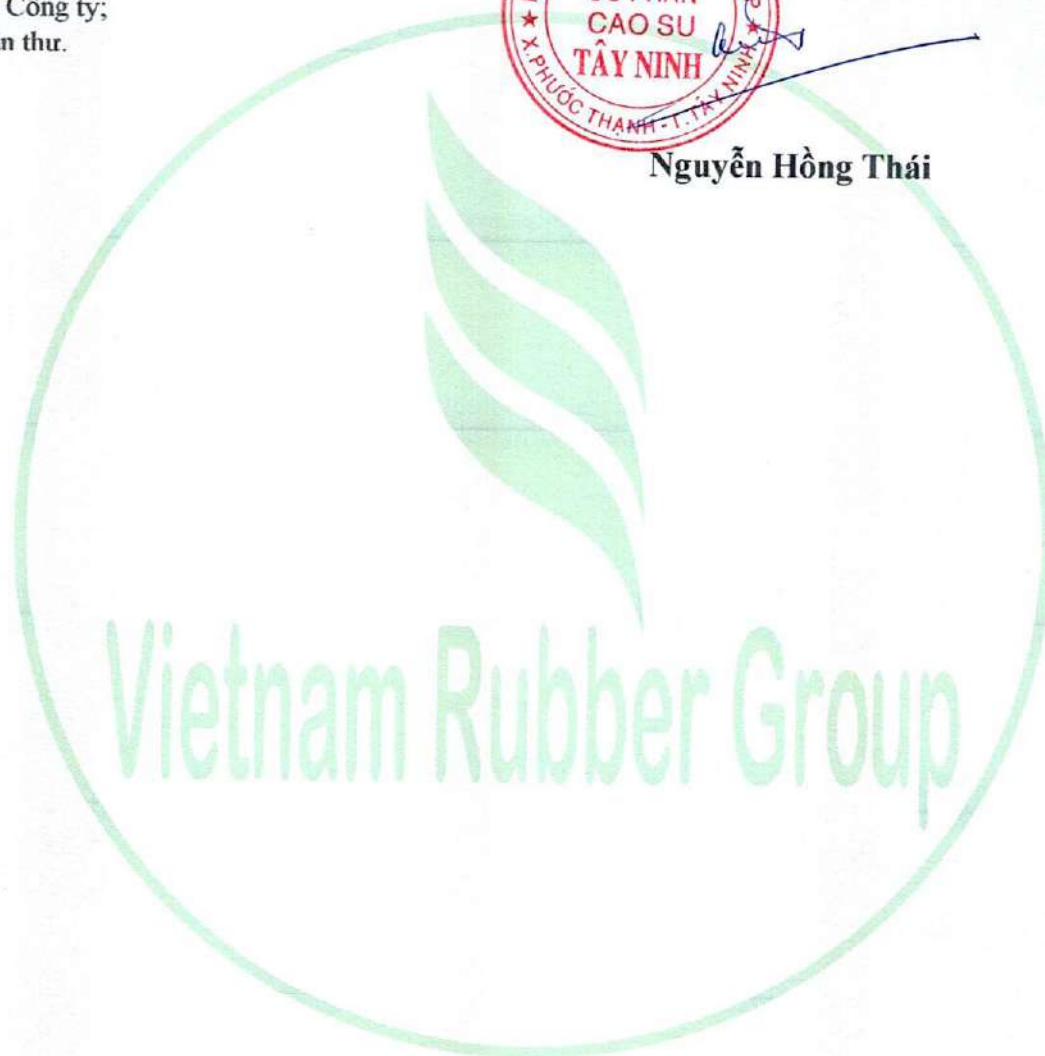
Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Tp.Hồ Chí Minh;
- HĐQT, BKS;
- Người CBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: Văn thư.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Hồng Thái



TRC



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05-43
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-43

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3900242776 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 12 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Trần Minh Đăng	Phụ trách điều hành
Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên
Ông Phan Quốc Khải	Thành viên
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Thái	Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Xuân Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2025
Bà Trần Thị Tố Anh	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Thị Bông	Trưởng ban
Bà Khúc Thị Mỹ Trinh	Thành viên
Ông Đỗ Phú Hồng Quân	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Hồng Thái – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2026

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Thái



Số: 200326.004/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh được lập ngày 20 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Lê Trường Long
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5480-2025-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Lê Phụng Hiếu, Hanoi, Vietnam A member of International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		684.370.056.045	587.554.932.699
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	403.294.711.463	260.095.099.895
111	1. Tiền		22.295.827.429	83.669.233.138
112	2. Các khoản tương đương tiền		380.998.884.034	176.425.866.757
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	78.000.000.000	
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		78.000.000.000	
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.268.249.768	196.214.633.093
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	305.402.095	277.593.354
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	2.080.867.071	187.984.147.992
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	10.001.682.920	8.072.594.065
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(119.702.318)	(119.702.318)
140	IV. Hàng tồn kho	10	142.765.381.058	92.161.619.314
141	1. Hàng tồn kho		142.765.381.058	92.161.619.314
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		48.041.713.756	39.083.580.397
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.666.080.141	1.577.965.946
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		43.271.062.659	37.505.614.451
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	2.104.570.956	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.717.547.007.214	1.606.519.076.924
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		594.555.600	576.634.800
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	594.555.600	576.634.800
220	II. Tài sản cố định		1.410.649.285.125	961.197.472.687
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.410.448.967.608	961.197.472.687
222	- Nguyên giá		1.937.113.929.555	1.384.834.207.110
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(526.664.961.947)	(423.636.734.423)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	200.317.517	-
228	- Nguyên giá		1.814.653.208	1.595.470.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.614.335.691)	(1.595.470.800)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		152.587.956.804	492.939.836.104
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	152.587.956.804	492.939.836.104
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	5	152.089.926.104	150.551.077.348
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		19.439.079.062	17.914.017.742
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		140.773.020.950	140.773.020.950
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(8.122.173.908)	(8.135.961.344)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.625.283.581	1.254.055.985
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.625.283.581	1.254.055.985
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.401.917.063.259	2.194.074.009.623

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		277.986.154.454	317.293.401.289
310	I. Nợ ngắn hạn		244.773.970.266	279.766.565.583
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	2.185.705.038	2.193.616.560
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	118.138.711.650	139.294.093.800
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.784.985.785	8.894.612.564
314	4. Phải trả người lao động		81.447.690.844	62.993.493.888
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	9.071.290.502	34.164.924.606
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.444.684.642	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	5.824.408.339	1.410.521.545
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	-	9.804.531.924
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		22.876.493.466	21.010.770.696
330	II. Nợ dài hạn		33.212.184.188	37.526.835.706
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	-	36.209.639.254
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.a	1.012.184.188	1.317.196.452
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		32.200.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.123.930.908.805	1.876.780.608.334
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.123.930.908.805	1.876.780.608.334
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		18.565.886.413	-
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(43.777.986.793)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		199.234.299.952	160.502.676.122
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		1.280.861.560.627	1.238.644.371.958
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		325.269.161.813	221.411.547.047
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		74.692.660.214	126.747.659
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		250.576.501.599	221.284.799.388
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.401.917.063.259	2.194.074.009.623

Người lập

Ngô Long Phi

Kế toán trưởng

Trần Thị Tố Anh

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Thái

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	843.795.298.390	744.134.538.942
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		843.795.298.390	744.134.538.942
11	4. Giá vốn hàng bán	24	549.982.693.352	473.255.265.730
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		293.812.605.038	270.879.273.212
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	27.311.816.816	19.040.341.745
22	7. Chi phí tài chính	26	450.863.902	10.590.422.238
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		340.174.905	10.520.885.018
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.525.061.320	(11.698.706.096)
25	9. Chi phí bán hàng	27	9.137.061.772	10.555.086.831
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	96.816.163.956	48.127.987.291
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		216.245.393.544	208.947.412.501
31	12. Thu nhập khác	29	56.411.189.078	35.708.509.197
32	13. Chi phí khác	30	2.520.764.568	2.828.624.476
40	14. Lợi nhuận khác		53.890.424.510	32.879.884.721
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		270.135.818.054	241.827.297.222
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	19.864.328.719	19.225.301.382
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32.b	(305.012.264)	1.317.196.452
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>250.576.501.599</u>	<u>221.284.799.388</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		250.576.501.599	221.284.799.388
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	8.521	7.598

Người lập

Ngô Long Phi

Kế toán trưởng

Trần Thị Tố Anh

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2026



Tổng Giám đốc
Nguyễn Hồng Thái

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2025
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		270.135.818.054	241.827.297.222
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		76.396.315.775	53.597.066.809
03	- Các khoản dự phòng		(13.787.436)	(181.698.589)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(138.758.360)	674.384
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(69.272.564.249)	(36.763.768.183)
06	- Chi phí lãi vay		340.174.905	10.520.885.018
07	- Các khoản điều chỉnh khác		32.200.000.000	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay		309.647.198.689	269.000.456.661
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(6.747.261.263)	(1.307.911.392)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(50.603.761.744)	(42.335.652.558)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		7.634.700.657	118.200.648.684
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.459.341.791)	(830.728.281)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(395.775.414)	(10.718.479.372)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(29.196.031.274)	(14.984.322.534)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.805.652.170)	(30.045.416.115)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		205.074.075.690	286.978.595.093
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.895.054.369)	(18.574.893.941)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		42.753.929.646	34.298.328.145
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(78.000.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.756.149.710	21.415.158.432
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(19.384.975.013)	37.138.592.636
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		62.411.320.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(46.817.361.673)	(169.848.366.295)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(72.818.665.500)	(26.211.179.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(57.224.707.173)	(196.059.545.795)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		128.464.393.504	128.057.641.934

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		260.095.099.895	106.303.947.651
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		14.735.218.064	25.733.510.310
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<u>403.294.711.463</u>	<u>260.095.099.895</u>

Người lập

Ngô Long Phi

Kế toán trưởng

Trần Thị Tố Anh

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Thái

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3900242776 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 12 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 300.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 300.000.000.000 đồng; tương đương 30.000.000 cổ phần, trong đó số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 30.000.000 cổ phần; mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 2.387 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 2.490 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Trồng và kinh doanh cao su.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Trồng cây cao su;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch. Chi tiết: Chế biến cao su nguyên liệu;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Chăm sóc cây cao su;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Chi tiết: Cưa, xẻ gỗ cao su;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ. Chi tiết: Đóng pallet;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công, xây lắp công trình giao thông;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Các công trình thể thao, công trình thủy lợi;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Dịch vụ rửa xe;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng, dầu, nhớt, mỡ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Công nghiệp hóa chất, phân bón và cao su;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Bán buôn vật tư tổng hợp;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Các mặt hàng lưu niệm;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà đất;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm nghiệm cao su cốm SVR các loại và cao su ly tâm theo TCVN;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Tổ chức bán đấu giá tài sản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2025, nhu cầu thị trường về mặt hàng cao su tăng mạnh khiến cho sản lượng tiêu thụ và giá bán bình quân của mặt hàng này tại Công ty tăng lên so với năm trước, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ tăng với số tiền lần lượt là 99,661 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 13,39%) và 22,933 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 8,47%) so với năm trước.

Thêm vào đó, diện tích của vườn cây cao su thanh lý cũng tăng cao so với năm trước, dẫn đến thu nhập khác và lợi nhuận khác lần lượt tăng với số tiền là 20,703 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 57,98 %) và 21,011 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 63,9%) so với năm trước.

Tổng hòa các nguyên nhân trên làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty năm nay tăng mạnh với số tiền 28,309 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 11,71%) so với năm trước.

Cấu trúc Công ty

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2025 là:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con trực tiếp				
Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su	Vương quốc Campuchia	100%	100%	Trồng, chăm sóc và chế biến cao su.
Công ty con gián tiếp (*)				
Công ty TNHH MTV Best Royal	Vương quốc Campuchia	100%	100%	Trồng, chăm sóc và chế biến cao su.

(*) Công ty TNHH MTV Best Royal là công ty con gián tiếp thông qua Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su, chi tiết xem tại thuyết minh số 3.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước.
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định.
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính.
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu năm báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các năm trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu năm báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các năm trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong năm, Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết năm báo cáo. Sau đó, Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.



2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

Khấu hao tài sản là vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCĐN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính về việc trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần về việc ban hành điều chỉnh tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm áp dụng từ ngày 01/01/2010 như sau:

<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>	<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>
- Năm thứ 1	2,5	- Năm thứ 11	7,0
- Năm thứ 2	2,8	- Năm thứ 12	6,6
- Năm thứ 3	3,5	- Năm thứ 13	6,2
- Năm thứ 4	4,4	- Năm thứ 14	5,9
- Năm thứ 5	4,8	- Năm thứ 15	5,5
- Năm thứ 6	5,4	- Năm thứ 16	5,4
- Năm thứ 7	5,4	- Năm thứ 17	5,0
- Năm thứ 8	5,1	- Năm thứ 18	5,0
- Năm thứ 9	5,1	- Năm thứ 19	5,2
- Năm thứ 10	5,0	- Năm thứ 20	Còn lại

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó. Mức trích khấu hao cho năm khai thác cuối cùng của vườn cây cao su (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí vườn cây kiến thiết cơ bản và chi phí xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí vườn cây kiến thiết cơ bản bao gồm các chi phí nguyên vật liệu phục vụ công tác trồng và chăm sóc, chi phí nhân công và các khoản chi phí chung khác có liên quan. Các vườn cây kiến thiết cơ bản được ghi nhận tăng tài sản cố định khi đảm bảo các điều kiện kỹ thuật theo hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần, thông thường chu kỳ đầu tư khoảng 07 - 08 năm tùy vào tiêu chuẩn kỹ thuật của từng năm trồng. Chi phí xây dựng cơ bản chưa hoàn thành còn bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.
- Chi phí thực hiện chứng chỉ quản lý rừng bền vững, chi phí cấp giấy phép môi trường ("chứng chỉ/giấy phép") được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn chứng chỉ/giấy phép có hiệu lực.
- Chi phí trả sửa chữa bao gồm: chi phí sửa chữa đường lô, nhà máy chế biến,... được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí Quỹ an sinh xã hội, Quỹ hiến tặng môi trường, chi phí bồi dưỡng độc hại và tiền ăn giữa ca, chi phí khấu hao vườn cây kinh doanh Best Royal,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê đất trồng xen canh, nhượng quyền khai thác mù cao su.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là khoản chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính công ty con từ đồng USD sang Đồng Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
- Chính sách ưu đãi thuế

Tại Công ty mẹ

Theo khoản 2, Điều 18 và khoản 2, Điều 19 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty mẹ được áp dụng thuế suất 10% đối với thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chế biến, thanh lý mù cao su, thanh lý vườn cây cao su ở địa bàn tỉnh Tây Ninh cho suốt thời gian hoạt động.

Tại Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su (Công ty con)

Theo Thông báo số 20386.opd ngày 17/11/2017 của Tổng Cục thuế Campuchia, kể từ ngày 19/12/2013 trở đi, Công ty con được ưu đãi miễn thuế lợi tức đối với thu nhập phát sinh từ dự án đầu tư "Nông trường trồng Cây Nông - Công nghiệp (Cây cao su) và xây dựng nhà máy chế biến" với thời gian hưởng ưu đãi được tính theo công thức: giai đoạn chính + thời gian 03 năm + thời gian ưu đãi 03 năm.

Giai đoạn chính được tính từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký vĩnh viễn (ngày 19/12/2013) và kết thúc vào ngày cuối của năm đóng thuế, trước năm mà Công ty con có doanh thu chịu thuế ban đầu hoặc kết thúc vào năm thứ 03 tính từ khi Công ty con có doanh thu ban đầu và Công ty con phải chọn lấy trường hợp nào xảy ra trước.

Năm 2025 là năm thứ 06 Công ty con có doanh thu ban đầu từ dự án đầu tư, đồng thời cũng là năm thứ 03 trong thời gian ưu đãi 03 năm.

Tại Công ty TNHH MTV Best Royal (Công ty con)

Theo Thông báo số 20394.opd ngày 17/11/2017 của Tổng Cục thuế Campuchia, kể từ ngày 19/06/2017 trở đi, Công ty được ưu đãi miễn thuế lợi tức đối với thu nhập phát sinh từ dự án đầu tư "Nông trường trồng Cây Nông - Công nghiệp (Cây cao su) và xây dựng nhà máy chế biến" với thời gian hưởng ưu đãi được tính theo công thức: giai đoạn chính + thời gian 03 năm + thời gian ưu đãi 03 năm.

Giai đoạn chính được tính từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký vĩnh viễn (ngày 19/06/2017) và kết thúc vào ngày cuối của năm đóng thuế, trước năm mà Công ty con có doanh thu chịu thuế ban đầu hoặc kết thúc vào năm thứ 03 tính từ khi Công ty con có doanh thu ban đầu và Công ty con phải chọn lấy trường hợp nào xảy ra trước.

Năm 2025 là năm thứ 01 Công ty con có doanh thu ban đầu từ dự án đầu tư.

d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Đối với thu nhập khác thuộc lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác..., Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.



Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

Công ty TNHH MTV Best Royal ("Best Royal") trở thành công ty con của Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển cao su.

Trong năm, Công ty đã hoàn tất góp vốn vào Công ty TNHH MTV Best Royal với tỷ lệ sở hữu 100%. Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty TNHH MTV Best Royal vào ngày hợp nhất kinh doanh như sau:

	Chuyển đổi hợp lý ghi nhận tại ngày kiểm soát
	USD
Tài sản	
<i>Tài sản ngắn hạn</i>	<i>1.227.197,18</i>
Thuế GTGT được khấu trừ	154.365,58
Phải thu khác ngắn hạn	1.072.831,60
<i>Tài sản dài hạn</i>	<i>18.742.754,10</i>
Tài sản cố định hữu hình	90.395,62
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	18.652.358,48
Tổng cộng tài sản thuần (A)	19.969.951,28
Nợ phải trả (B)	1.231.732,70
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>1.231.732,70</i>
Chi phí phải trả	1.231.732,70
Tài sản thuần (A) - (B)	18.738.218,58
Lợi ích của Công ty (tỷ lệ sở hữu 100%)	18.738.218,58
Tổng giá phí (xem chi tiết tại thuyết minh số 37)	18.738.218,58
Tiền thu được	1.014,71
Thu nhập từ mua rẻ (Xem tại thuyết minh số 29)	1.014,71

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.306.475.442	1.339.288.664
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.989.351.987	82.329.944.474
Các khoản tương đương tiền (*)	380.998.884.034	176.425.866.757
	<u>403.294.711.463</u>	<u>260.095.099.895</u>

(*) Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 - 03 tháng có giá trị 380.998.884.034 VND, và trong đó khoản tương đương tiền 2.900.000 USD tương đương 75.623.300.000 VND, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 4,75%/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn ^(*)	78.000.000.000	-	-	-
	78.000.000.000	-	-	-

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 78.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6%/năm đến 7%/năm.

b) Đầu tư vào Công ty liên kết

	31/12/2025			01/01/2025	
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			VND		VND
Công ty Cổ phần Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	49,00%	19.439.079.062	49,00%	17.914.017.742
			19.439.079.062		17.914.017.742

c) Đầu tư vào đơn vị khác

	Mã CK	31/12/2025			01/01/2025		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào ⁽¹⁾		77.500.000.000	-	-	77.500.000.000	-	
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su ⁽¹⁾		8.661.170.000	(8.122.173.908)	-	8.661.170.000	(8.135.961.344)	
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam ⁽²⁾	VRG	17.660.000.000	31.788.000.000	-	17.660.000.000	38.301.008.000	
- Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai ⁽¹⁾		36.951.850.950	-	-	36.951.850.950	-	
		140.773.020.950	31.788.000.000	(8.122.173.908)	140.773.020.950	38.301.008.000	
						(8.135.961.344)	

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

- (1) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.
- (2) Cổ phiếu niêm yết trên sàn Upcom, biến động thường xuyên theo giá trị thị trường và giá trị của chúng có thể được xác định một cách đáng tin cậy, giá trị hợp lý là giá đóng cửa trên thị trường tại thời điểm cuối năm lập Báo cáo tài chính (tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025).

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh 40.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư trong năm:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty liên kết</i>				
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	49,00%	49,00%	Chế biến gỗ, xuất nhập khẩu gỗ.
<i>Đơn vị khác</i>				
- Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	Thành lập tại TP. Hồ Chí Minh; hoạt động tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	10,00%	10,00%	Khai hoang, trồng rừng, chăm sóc, khai thác và chế biến mù cao su.
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Tỉnh Quảng Ninh	2,34%	2,34%	Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại cao su, nông, lâm, thủy sản; thực hiện các dự án xây dựng khách sạn, resort; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa.
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	Tỉnh Hải Dương	6,82%	6,82%	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh khu công nghiệp.
- Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	15,23%	15,23%	Trồng, khai thác và chế biến sản phẩm từ cao su.

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Cửa hàng xăng dầu	46.178.727	-	67.879.036	-
- Công ty TNHH Trần Ngọc Tâm	119.702.318	(119.702.318)	119.702.318	(119.702.318)
- Phòng khám đa khoa và Quầy thuốc	139.521.050	-	86.137.000	-
- Công ty TNHH MTV Môi trường Xanh Huế Phương Việt Nam	-	-	3.875.000	-
	305.402.095	(119.702.318)	277.593.354	(119.702.318)

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Eco Technology 2A	166.950.800	-	-	-
- Doanh nghiệp Tư nhân Tư vấn Kỹ thuật và Thương mại Sao Thổ	111.052.260	-	-	-
- Công ty TNHH Best Royal (*)	-	-	185.978.461.830	-
- Trả trước cho người bán khác	1.802.864.011	-	2.005.686.162	-
	2.080.867.071	-	187.984.147.992	-

(*) Khoản ứng trước cho Công ty TNHH Best Royal theo hợp đồng số 30/2015/HDKT-TNSR ngày 26/10/2015 và hợp đồng số 31/2015/HDKT-TNSR ngày 04/12/2015 về việc sang nhượng đất sạch trồng cao su năm 2013, 2014, 2015 giữa Công ty TNHH Phát triển Cao su Tây Ninh - Siêm Riệp và Công ty TNHH Best Royal.

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.281.577.229	-	213.390.979	-
- Tạm ứng	73.607.883	-	73.163.195	-
- Phải thu tiền thuế TNCN của người lao động	7.483.280.213	-	2.708.938.446	-
- Phải thu về tiền chi hộ Công ty TNHH Best Royal	-	-	3.904.059.884	-
- Phải thu ngân sách Nhà nước về tiền thuê đất được miễn giảm	890.970.193	-	914.390.504	-
- Phải thu khác	272.247.402	-	258.651.057	-
	10.001.682.920	-	8.072.594.065	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	594.555.600	-	576.634.800	-
	594.555.600	-	576.634.800	-

9 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Trần Ngọc Tâm	119.702.318	-	119.702.318	-
	<u>119.702.318</u>	<u>-</u>	<u>119.702.318</u>	<u>-</u>

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	13.645.794.547	-	13.374.063.162	-
Công cụ, dụng cụ	6.814.123.210	-	3.770.646.730	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.743.092.358	-	22.508.818.007	-
Thành phẩm	51.600.973.742	-	40.674.860.234	-
Hàng hoá	756.734.242	-	779.603.373	-
Hàng gửi đi bán	36.204.662.959	-	11.053.627.808	-
	<u>142.765.381.058</u>	<u>-</u>	<u>92.161.619.314</u>	<u>-</u>

11/12/2025

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công trình nông nghiệp	124.881.956.534	429.822.959.276
- Chi phí vườn cây kiến thiết cơ bản tại Việt Nam	124.881.956.534	144.064.622.788
- Chi phí vườn cây kiến thiết cơ bản tại Vương quốc Campuchia	-	285.758.336.488
+ <i>Vườn cây kiến thiết cơ bản Best Royal (*)</i>	-	285.758.336.488
Đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa tài sản	27.706.000.270	63.116.876.828
- Nhà máy chế biến mủ	1.474.132.810	1.429.700.230
- Chi phí chung chờ phân bổ	25.528.229.614	61.428.304.583
- Các công trình, chi phí khác	703.637.846	258.872.015
	152.587.956.804	492.939.836.104

(*) Theo Nghị quyết số 02/NQHĐTVCSVN ngày 22/04/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, nay là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần ("Tập đoàn") và Biên bản họp của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh ngày 27/04/2014, Tập đoàn và Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh đã thống nhất chủ trương và ủy quyền cho Công ty con của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh là Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su được thực hiện các thủ tục nhận sang nhượng dự án Best Royal của Công ty TNHH Best Royal để trồng cao su với diện tích từ 4.000 đến 4.500 ha.

Trong năm 2015, Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su (Bên A) và Công ty TNHH Best Royal (Bên B) đã ký kết hợp đồng số 30/2015/HDKT-TNSR ngày 26/10/2015 và hợp đồng số 31/2015/HDKT-TNSR ngày 04/12/2015. Theo đó, Bên B sẽ sang nhượng cho Bên A toàn bộ diện tích vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2013 và diện tích đất trồng cao su năm 2014, 2015 với tổng diện tích là 3.069,967 ha, trong đó, diện tích vườn cây năm 2013 hiện hữu là 651,39 ha. Tổng giá trị hợp đồng là 8.119.806,00 USD.

Trong năm 2017, Hội đồng thành viên Tập đoàn đã ban hành Công văn số 250/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 25/04/2017 để thống nhất điều chỉnh chủ trương đầu tư nhận chuyển nhượng dự án cao su của Công ty TNHH Best Royal theo Nghị quyết số 02/NQHĐTVCSVN ngày 22/04/2014. Theo đó, Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su sẽ đầu tư tài chính vào Công ty TNHH Best Royal, sở hữu 100% và quản lý toàn diện Công ty TNHH Best Royal.

Tại 31/12/2025, Công ty TNHH MTV Best Royal đã chính thức trở thành Công ty con của Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su dưới hình thức đầu tư tài chính. (Xem chi tiết tại thuyết minh số 37).

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	149.738.870.719	103.802.208.029	40.388.996.526	7.106.520.670	1.083.797.611.166	1.384.834.207.110
- Mua trong năm	-	2.800.907.229	3.163.360.636	-	-	5.964.267.865
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.875.147.366	922.893.500	-	-	37.528.324.214	40.326.365.080
- Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	484.905.363.405	484.905.363.405
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(7.938.926.560)	(7.938.926.560)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC (*)	2.054.075.707	199.962.873	266.533.221	15.102.519	26.486.978.335	29.022.652.655
Số dư cuối năm	153.668.093.792	107.725.971.631	43.818.890.383	7.121.623.189	1.624.779.350.560	1.937.113.929.555
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	118.561.390.411	97.215.972.449	35.985.186.676	6.988.320.906	164.885.863.981	423.636.734.423
- Khấu hao trong năm	5.250.883.252	2.950.887.424	847.851.161	37.251.941	67.305.366.447	76.392.240.225
- Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	27.890.403.105	27.890.403.105
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(6.108.163.883)	(6.108.163.883)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC (*)	1.584.788.556	177.841.664	266.512.634	15.102.519	2.809.502.704	4.853.748.077
Số dư cuối năm	125.397.062.219	100.344.701.537	37.099.550.471	7.040.675.366	256.782.972.354	526.664.961.947
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	31.177.480.308	6.586.235.580	4.403.809.850	118.199.764	918.911.747.185	961.197.472.687
Tại ngày cuối năm	28.271.031.573	7.381.270.094	6.719.339.912	80.947.823	1.367.996.378.206	1.410.448.967.608

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 204.181.187.260 VND.

(*) Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty Tây Ninh - Siêu Riệp Phát triển Cao su từ đồng USD sang VND.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.595.470.800	1.595.470.800
- Mua trong năm	203.778.524	203.778.524
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC (*)	15.403.884	15.403.884
Số dư cuối năm	1.814.653.208	1.814.653.208
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.595.470.800	1.595.470.800
- Khấu hao trong năm	4.075.550	4.075.550
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC (*)	14.789.341	14.789.341
Số dư cuối năm	1.614.335.691	1.614.335.691
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	200.317.517	200.317.517

(*) Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su từ đồng USD sang VND.

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.595.470.800 VND.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Nhiên liệu, hóa chất, bao bì sản phẩm chưa sử dụng hết	1.674.943.867	860.822.243
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	620.124.999	525.351.852
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	371.011.275	191.791.851
	2.666.080.141	1.577.965.946
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	31.620.000
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	872.466.896	791.991.244
Chi phí dịch vụ phần mềm	534.864.825	-
Chi phí thực hiện chứng chỉ quản lý rừng bền vững, chi phí cấp giấy phép môi trường	217.951.860	411.476.491
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	18.968.250
	1.625.283.581	1.254.055.985

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	-	-	430.560.000	430.560.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Cao Su	-	-	212.760.000	212.760.000
- Tạp chí Cao su Việt Nam	-	-	217.800.000	217.800.000
<i>Bên khác</i>	2.185.705.038	2.185.705.038	1.763.056.560	1.763.056.560
- Công ty TNHH MTV Việt Bắc	729.735.000	729.735.000	-	-
- Công ty TNHH Tin Thành	157.356.000	157.356.000	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật An Nguyên	112.104.000	112.104.000	-	-
- Công ty Cổ phần F.A	21.600.000	21.600.000	961.669.956	961.669.956
- Công ty TNHH Tư vấn Thương mại Xây dựng Quang Vinh	18.475.000	18.475.000	354.620.000	354.620.000
- Phải trả các đối tượng khác	1.146.435.038	1.146.435.038	446.766.604	446.766.604
	2.185.705.038	2.185.705.038	2.193.616.560	2.193.616.560

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>102.998.228.450</i>	<i>127.755.000.000</i>
- C.R.C.K.2 Aphivath Caoutchouc Co., Ltd (*)	102.998.228.450	127.755.000.000
<i>Bên khác</i>	<i>15.140.483.200</i>	<i>11.539.093.800</i>
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sao Nam	7.373.457.000	2.852.217.900
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Tín Trung	5.240.009.250	3.271.595.040
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khôi Nguyên Anh	1.721.055.000	-
- Công ty TNHH Quốc tế Thiên Vinh	-	1.145.188.800
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phúc Anh Vina	330.225.000	3.843.000.000
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	475.736.950	427.092.060
	<u>118.138.711.650</u>	<u>139.294.093.800</u>

(*) Khoản ứng trước căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số 02/2024/TNSR-HDNT ngày 11/01/2024 ký kết giữa Công ty Tây Ninh Siêm Riệp - Phát triển Cao su và C.R.C.K.2 Aphivath Caoutchouc Co., Ltd về mua bán hàng hóa cao su thành phẩm CSR10, CSR10 Mix với tổng số lượng 6.500 tấn, thời điểm bắt đầu giao hàng từ năm 2025 đến năm 2027. Theo đó, bên mua phải tạm ứng trước cho bên bán số tiền là 7.000.000 USD và số tiền này sẽ được khấu trừ dần vào tiền bán hàng của từng đợt giao hàng. Tại ngày 31/12/2025, Công ty Tây Ninh Siêm Riệp - Phát triển Cao su đã nhận trước 3.904.850 USD tương đương 102.998.228.450 VND từ C.R.C.K.2 Aphivath Caoutchouc Co., Ltd.

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	CLTG do chuyển đổi BCTC (*)	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	665.066.443	18.325.057.456	17.547.781.641	-	-	1.442.342.258
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	6.404.038.067	6.404.038.067	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	7.227.131.599	19.864.328.719	29.196.031.274	-	2.104.570.956	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	727.923.363	8.568.897.373	7.153.706.852	17.242.888	-	2.160.356.772
Thuế Tài nguyên	-	14.129.280	76.823.920	82.485.600	-	-	8.467.600
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	16.543.316.223	16.543.316.223	-	-	-
Các loại thuế khác	-	260.361.879	7.129.874.076	7.223.465.615	7.048.815	-	173.819.155
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	128.297.750	128.297.750	-	-	-
	-	8.894.612.564	77.040.633.584	84.279.123.022	24.291.703	2.104.570.956	3.784.985.785

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su từ đồng USD sang VND.



18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí Quỹ an sinh xã hội, Quỹ hiến tặng môi trường	5.404.676.315	4.060.082.006
- Chi phí bồi dưỡng độc hại và tiền ăn giữa ca	2.176.179.500	1.606.134.500
- Trích trước chi phí trồng xen	309.871.811	-
- Tiền điện trích trước	545.635.117	386.576.241
- Chi phí lãi vay	-	55.600.509
- Chi phí khấu hao vườn cây kinh doanh Best Royal (*)	-	27.411.920.212
- Trích trước chi phí sửa chữa	-	41.500.000
- Chi phí phải trả khác	634.927.759	603.111.138
	9.071.290.502	34.164.924.606

(*) Chi phí khấu hao tạm trích của các vườn cây kinh doanh thuộc dự án Best Royal đã đưa vào khai thác với tổng diện tích 1.687,14 ha.

Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 11.

19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	308.862.537	291.810.306
- Bảo hiểm y tế	268.113.237	251.421.329
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.920.167.412	447.744.694
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	109.366.000	103.200.500
- Phải trả về nhận trước tiền hợp tác trồng xen canh cây ngắn ngày	-	158.566.881
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	217.899.153	157.777.835
	5.824.408.339	1.410.521.545

20 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong năm			31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	CLTG do chuyển đổi BCTC ⁽¹⁾	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND		VND	VND
a) Vay dài hạn đến hạn trả							
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Phnom Penh	9.804.531.924	9.804.531.924	-	9.975.672.828	171.140.904	-	-
	<u>9.804.531.924</u>	<u>9.804.531.924</u>	<u>-</u>	<u>9.975.672.828</u>	<u>171.140.904</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
b) Vay dài hạn							
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Phnom Penh	46.014.171.178	46.014.171.178	-	46.817.361.673	803.190.495	-	-
	<u>46.014.171.178</u>	<u>46.014.171.178</u>	<u>-</u>	<u>46.817.361.673</u>	<u>803.190.495</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9.804.531.924)	(9.804.531.924)	-	(9.975.672.828)	(171.140.904)	-	-
Khoản vay đến hạn trả sau 12 tháng	<u>36.209.639.254</u>	<u>36.209.639.254</u>				<u>-</u>	<u>-</u>

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	-	(43.777.986.793)	106.175.732.790	1.220.287.658.751	68.025.156.083	1.650.710.560.831
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	221.284.799.388	221.284.799.388
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(26.212.500.000)	(26.212.500.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	18.356.713.207	(18.356.713.207)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(23.123.913.214)	(23.123.913.214)
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	-	-	(205.282.003)	(205.282.003)
CLTG do chuyển đổi BCTC ^(*)	-	-	-	54.326.943.332	-	-	54.326.943.332
Số dư cuối năm trước	300.000.000.000	-	(43.777.986.793)	160.502.676.122	1.238.644.371.958	221.411.547.047	1.876.780.608.334
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	-	(43.777.986.793)	160.502.676.122	1.238.644.371.958	221.411.547.047	1.876.780.608.334
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	250.576.501.599	250.576.501.599
Chia cổ tức trên lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	(72.812.500.000)	(72.812.500.000)
Phát hành cổ phiếu quỹ ⁽²⁾	-	18.565.886.413	43.777.986.793	-	-	-	62.343.873.206
Trích Quỹ đầu tư phát triển ⁽¹⁾	-	-	-	-	42.217.188.669	(42.217.188.669)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	(25.515.219.686)	(25.515.219.686)
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	(156.155.254)	(156.155.254)
Nộp thuế giữ lại theo chế độ Campuchia	-	-	-	-	-	(6.017.823.224)	(6.017.823.224)
CLTG do chuyển đổi BCTC ^(*)	-	-	-	38.731.623.830	-	-	38.731.623.830
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	18.565.886.413	-	199.234.299.952	1.280.861.560.627	325.269.161.813	2.123.930.908.805

(*) Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su từ đồng USD sang VND.

(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 1314/NQ-ĐHĐCĐCSTN ngày 27/06/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024	100	153.693.589.941
Trích Quỹ đầu tư phát triển	27,47	42.217.188.669
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16,60	25.515.219.686
Trích Quỹ thường Ban quản lý điều hành	0,10	156.155.254
Chia cổ tức (25%/Mệnh giá)	47,38	72.812.500.000

(2) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1385/NQ-HĐQT CSTN ngày 07/07/2025. Căn cứ Báo cáo kết quả giao dịch bán Cổ phiếu quỹ số 1854/BC-CSTN ngày 18/09/2025 gửi UBCK Nhà nước về việc Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu quỹ 875.000 cổ phiếu với tổng giá trị 62.411.320.000 VND với giá khớp lệnh trung bình 71.433 VND/ cổ phiếu, trong đó chi phí phát hành là 67.446.794 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)

	Tỷ lệ (%)	31/12/2025 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2025 VND
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	60,00	180.000.000.000	60,00	180.000.000.000
- Trần Hữu Hoa	4,49	13.471.600.000	-	-
- Trần Hoàng Gia Bảo	4,45	13.362.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	-	-	4,82	14.470.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành	-	-	1,33	3.991.000.000
- Các cổ đông khác	28,14	84.416.400.000	30,93	92.789.000.000
- Cổ phiếu quỹ	2,92	8.750.000.000	2,92	8.750.000.000
	100	300.000.000.000	100	300.000.000.000

(*) Cơ cấu cổ đông được xác định đến ngày 31/07/2025 theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền nhận cổ tức.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	300.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	72.812.500.000	26.212.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	875.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	875.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	29.125.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	29.125.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

e) Các quỹ công ty	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.280.861.560.627	1.238.644.371.958
	<u>1.280.861.560.627</u>	<u>1.238.644.371.958</u>

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm như sau:

- Hợp đồng thuê đất tại tỉnh Tây Ninh để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc; trồng, khai thác cao su từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích khu đất thuê là 74.257.064,10 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại huyện Trapeang Prasat, tỉnh Oddar MeanChey, Vương quốc Campuchia để sử dụng với mục đích trồng cao su, thời hạn thuê đất là 50 năm được tính từ ngày 09/02/2012. Diện tích khu đất thuê là 7.031,17 ha. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước Campuchia.

b) Tài sản nhận giữ hộ

	Đơn vị tính	31/12/2025	01/01/2025
- Mủ cao su khách hàng gửi kho	Tấn	0,031	0,031
- Mủ cao su nhận gia công	Tấn	24,360	24,360

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
Đồng Riel (KHR)	125.377.568,00	83.390.324,00
Đồng đô la Mỹ (USD)	3.493.786,83	3.049.410,68

d) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Đức	1.115.343.422	1.115.343.422
- Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Đông Dương	137.200.000	137.200.000
- Công ty TNHH Xây dựng Xanh	25.919.196	25.919.196
	<u>1.278.462.618</u>	<u>1.278.462.618</u>

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm cao su	812.168.316.611	683.731.041.824
Doanh thu bán hàng hóa	28.810.833.746	51.795.799.119
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	2.816.148.033	8.607.697.999
	<u>843.795.298.390</u>	<u>744.134.538.942</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	<u>82.330.834.811</u>	<u>104.341.824.288</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm cao su	480.796.586.544	403.617.159.486
Giá vốn bán hàng hóa	28.695.768.979	51.102.572.114
Giá vốn cung cấp dịch vụ, giá vốn khác	2.776.110.398	8.499.769.499
Chi phí chung vượt dự toán của các vườn cây đưa vào khai thác	37.693.166.767	10.020.800.000
Thuế GTGT không được khấu trừ	21.060.664	14.964.631
	549.982.693.352	473.255.265.730

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	12.410.317.750	2.829.629.576
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.414.018.210	15.247.093.796
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	348.669.202	963.561.740
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	138.811.654	56.633
	27.311.816.816	19.040.341.745
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	14.414.018.210	15.247.093.796

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	340.174.905	10.520.885.018
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	124.423.139	250.504.792
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm (Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	53.294 (13.787.436)	731.017 (181.698.589)
	450.863.902	10.590.422.238

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.443.795.252	1.885.462.220
Thuế, phí, lệ phí	69.780.888	56.472.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.519.856.003	8.321.140.350
Chi phí khác bằng tiền	103.629.629	292.011.291
	9.137.061.772	10.555.086.831
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)	463.550.000	156.900.000

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.384.636.693	1.533.273.834
Chi phí nhân công	38.880.463.038	27.560.134.330
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.531.445.174	1.685.945.839
Thuế, phí, lệ phí	526.349.129	396.769.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.595.556.223	3.073.128.450
Chi phí khác bằng tiền	50.897.713.699	13.878.735.059
	96.816.163.956	48.127.987.291

Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)

	104.738.000	65.628.000
--	--------------------	-------------------

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý vườn cây cao su ⁽¹⁾	40.923.166.969	30.385.750.907
Thu nhập từ cây cao su gãy đổ	218.558.267	344.923.926
Thu nhập từ hợp tác trồng mía	-	272.389.000
Thu nhập từ nhượng quyền khai thác mù cao su ⁽²⁾	4.499.283.951	1.733.240.741
Thu nhập từ hợp tác trồng xen canh cây ngắn ngày	753.587.091	226.020.636
Thu nhập từ cho thuê đất cao su lộ giới	-	178.614.547
Thu nhập từ bán mù tận thu, kiểm phẩm	184.156.830	517.983.300
Thu nhập tại Phòng khám đa khoa và Quầy thuốc	1.756.505.918	1.050.356.146
Thu nhập từ khoản đầu tư tài chính mua rẻ ⁽³⁾	26.379.416	-
Thu nhập từ bán phế liệu	1.454.545	5.250.000
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	132.818.181	143.999.995
Thu nhập từ tiền bồi thường, hỗ trợ và phạt vi phạm hợp đồng	1.429.438.888	818.359.999
Thu nhập được miễn giảm tiền thuê đất	6.485.839.022	-
Thu nhập khác	-	31.620.000
	56.411.189.078	35.708.509.197

Trong đó: Thu nhập khác đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)

	-	210.737.500
--	----------	--------------------

(1) Trong năm, Công ty đã thanh lý 185,02914 ha cao su với tổng giá trị là 44.420.000.000 VND. Vườn cây cao su thanh lý có nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 7.938.926.560 VND và 6.108.163.883 VND, chi phí thanh lý là 3.296.833.031 VND, lãi từ hoạt động thanh lý vườn cây cao su là 40.923.166.969 VND.

(2) Nhượng quyền khai thác mù cao su theo Hợp đồng bán đấu giá số 1698/HĐĐG-CSTN ngày 21/08/2025, với các nội dung chi tiết sau:

- Tổng diện tích: 182,33261 ha;
- Thời gian thực hiện: đến hết 31/01/2026;
- Tổng giá trị hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT): 5.564.000.000 VND, trong đó thu nhập từ nhượng quyền đến 31/12/2025 là 4.499.283.951 VND.

(3) Khoản tiền gửi ngân hàng không theo dõi trên sổ sách Công ty TNHH MTV Best Royal được ghi nhận khi hợp nhất báo cáo tài chính sau khi kiểm toán tại thời điểm Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su đạt được quyền kiểm soát.

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí tại Phòng khám đa khoa và Quầy thuốc	1.756.505.918	1.050.356.146
Chi phí thanh lý cây cao su gãy đổ	10.810.909	5.385.541
Chi phí thanh lý mù tận thu, kiểm phẩm	-	78.000.000
Các khoản bị phạt	8.951.432	1.116.368.231
Chi phí hợp tác trồng mía	-	75.974.887
Chi phí nhượng quyền khai thác mù cao su	441.531.168	311.686.972
Chi phí hợp tác trồng xen canh cây ngắn ngày	238.244.951	145.977.046
Chi phí khác	64.720.190	44.875.653
	2.520.764.568	2.828.624.476

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	19.864.328.719	19.223.710.580
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	-	1.590.802
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	19.864.328.719	19.225.301.382

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.012.184.188	1.317.196.452
	1.012.184.188	1.317.196.452

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(305.012.264)	1.317.196.452
	(305.012.264)	1.317.196.452

33 . LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	250.576.501.599	221.284.799.388
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	250.576.501.599	221.284.799.388
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	29.407.935	29.125.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.521	7.598

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.144.226.099	59.855.113.391
Chi phí nhân công	338.748.358.366	287.312.661.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.180.722.384	53.245.478.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.576.389.652	56.418.265.747
Chi phí khác bằng tiền	123.901.876.610	67.034.218.261
	<u>674.551.573.111</u>	<u>523.865.737.406</u>

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Đầu tư dài hạn	-	-	31.788.000.000	31.788.000.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>31.788.000.000</u>	<u>31.788.000.000</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư dài hạn	-	-	38.301.008.000	38.301.008.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>38.301.008.000</u>	<u>38.301.008.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	401.988.236.021	-	-	401.988.236.021
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.187.382.697	594.555.600	-	10.781.938.297
Các khoản cho vay	78.000.000.000	-	-	78.000.000.000
	<u>490.175.618.718</u>	<u>594.555.600</u>	<u>-</u>	<u>490.770.174.318</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	258.755.811.231	-	-	258.755.811.231
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.230.485.101	576.634.800	-	8.807.119.901
Các khoản cho vay	-	-	-	-
	<u>266.986.296.332</u>	<u>576.634.800</u>	<u>-</u>	<u>267.562.931.132</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và các khoản nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	8.010.113.377	-	-	8.010.113.377
Chi phí phải trả	9.071.290.502	-	-	9.071.290.502
	<u>17.081.403.879</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>17.081.403.879</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và các khoản nợ	9.804.531.924	36.209.639.254	-	46.014.171.178
Phải trả người bán, phải trả khác	3.604.138.105	-	-	3.604.138.105
Chi phí phải trả	34.164.924.606	-	-	34.164.924.606
	<u>47.573.594.635</u>	<u>36.209.639.254</u>	<u>-</u>	<u>83.783.233.889</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	46.817.361.673	169.848.366.295

37 . THÔNG TIN KHÁC

Tại Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su

Theo Nghị quyết số 02/NQHĐTVCSVN ngày 22/04/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần ("Tập đoàn") và Biên bản họp của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh ("Công ty CSTN") ngày 27/04/2014, Tập đoàn và Công ty CSTN đã thống nhất chủ trương và ủy quyền cho Công ty con của Công ty CSTN là Công ty TNHH Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su ("Công ty TNSR") được thực hiện các thủ tục sang nhượng dự án Best Royal của Công ty TNHH MTV Best Royal để trồng cao su với diện tích từ 4.000 đến 4.500 ha.

Căn cứ vào Điều lệ Công ty TNHH MTV Best Royal ban hành ngày 27/03/2017, Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su là cổ đông duy nhất và sở hữu toàn bộ 2.053 cổ phần, tương đương 39.007.000 USD của Công ty TNHH MTV Best Royal.

Trong năm 2025, Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý quan trọng liên quan đến hoạt động kinh doanh và cơ cấu sở hữu, cụ thể được ghi nhận bởi các cơ quan có thẩm quyền thuộc Vương quốc Campuchia như sau:

- Ngày 10 tháng 06 năm 2025, Ủy ban Đầu tư Campuchia (CIB) thuộc Hội đồng Phát triển Campuchia (CDC) đã ban hành Thông báo số 1783/25 CIB. Theo đó, cơ quan quản lý ghi nhận việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi nhân sự quản lý chủ chốt và lưu chiểu Điều lệ mới của Công ty (bản sửa đổi ngày 28 tháng 05 năm 2025)

- Vào ngày 23 tháng 10 năm 2025, Tổng cục Thuế - Bộ Kinh tế và Tài chính Campuchia đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế Giá trị gia tăng (VAT) và Bảng thuế môn bài cho năm tài chính hiện hành. Các văn bản này xác nhận:

+ Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su là chủ sở hữu của Công ty.

+ Ông Hà Minh Đức giữ chức vụ người đại diện theo pháp luật.

Theo các văn bản pháp lý nêu trên, Công ty TNHH MTV Best Royal chính thức được công nhận là công ty con do Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Qua đó, Công ty TNHH MTV Best Royal nhận vốn góp từ Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su dưới hình thức tiếp nhận giá trị vườn cây do Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su đầu tư và chuyển các khoản công nợ liên quan thành giá trị góp vốn là 18.744.633,46 USD tương đương 426.676.484.546 VND, trong đó cụ thể như sau:

Nội dung	Số tiền (USD)
Phải thu về tiền chi hộ Công ty TNHH Best Royal	154.365,58
Giá trị vườn cây kinh doanh	11.298.815,25
Chuyển giao tài sản nhà cửa vật kiến trúc (giá trị còn lại)	90.395,62
Các khoản ứng trước	7.353.543,23
Chi phí Quỹ an sinh xã hội, Quỹ hiến tặng môi trường Best Royal đã chi trả	(158.901,10)
Giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát	18.738.218,58
Bổ sung các khoản phải thu khác	6.414,88
Tổng cộng	18.744.633,46

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mủ cao su nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

b) Theo khu vực địa lý

	Việt Nam	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	617.799.524.895	225.995.773.495	-	843.795.298.390
Tài sản bộ phận	1.970.794.922.248	1.400.809.000.721	(969.686.859.710)	2.401.917.063.259
Tổng chi phí mua TSCĐ	24.815.685.617	2.291.033.459	-	27.106.719.076

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		82.330.834.811	104.341.824.288
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	51.028.956.858	89.432.372.655
- Công ty Cổ phần Cao Su Lai Châu II	Cùng Công ty mẹ	-	611.245.200
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gõ Tây Ninh	Công ty liên kết	-	88.592.593
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cao su Nghệ An	Cùng Công ty mẹ	2.789.748.033	6.019.015.800
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Cùng Công ty mẹ	41.515.370	39.537.808
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Cùng Công ty mẹ	-	235.480.000
- C.R.C.K.2 Aphivath Caoutchouc Co., Ltd	Cùng Công ty mẹ	28.470.614.550	7.915.580.232
Mua hàng hóa, dịch vụ, phí gia công		34.764.970.259	38.189.270.072
- C.R.C.K.2 Aphivath Caoutchouc Co., Ltd	Cùng Công ty mẹ	32.683.009.848	26.113.372.072
- Công ty Cổ phần Cơ khí Cao Su	Cùng Công ty mẹ	15.000.000	197.000.000
- Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Công ty liên kết của Công ty mẹ	139.010.000	134.970.000
- Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	1.927.950.411	1.163.170.000
- Tạp chí Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	-	978.550.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cao su Nghệ An	Cùng Công ty mẹ	-	9.602.208.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia		14.414.018.210	15.247.093.796
- Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	Cùng Công ty mẹ	8.233.018.210	8.536.293.796
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	6.181.000.000	6.710.800.000



	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng			
- Công ty TNHH In Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	463.550.000	156.900.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp			
- Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	104.738.000	65.628.000
- Công ty TNHH In Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	38.238.000	27.328.000
- Trường Cao đẳng Miền Đông	Cùng Công ty mẹ	63.500.000	38.300.000
		3.000.000	-
Thu nhập từ cao su thanh lý, gậy đồ			
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	-	210.737.500
		-	210.737.500

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
- Ông Phạm Văn Hồi Em (1)		7.006.163.000	3.628.207.967
- Ông Lê Văn Chánh (2)		-	24.000.000
- Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên HĐQT	-	24.000.000
- Ông Phan Quốc Khải	Thành viên HĐQT	995.280.000	501.124.519
- Ông Võ Trần Minh Đăng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
	phụ trách điều hành	995.280.000	501.124.519
- Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.214.880.000	556.805.020
- Ông Phan Xuân Hường	Phó Tổng Giám đốc	640.640.000	-
- Ông Hồ Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	744.138.128	717.088.448
- Bà Trần Thị Tố Anh	Kế toán trưởng	926.640.000	445.444.016
- Bà Đặng Thị Bông	Trưởng Ban kiểm soát	1.029.600.000	445.444.016
- Bà Khúc Thị Mỹ Trinh	Thành viên Ban kiểm soát	375.704.872	329.177.429
- Ông Đỗ Phú Hồng Quân	Thành viên Ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000

(1) Chủ tịch HĐQT miễn nhiệm trong năm trước.

(2) Thành viên HĐQT miễn nhiệm trong năm trước.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

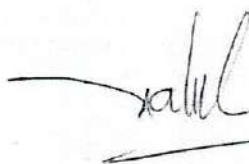
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập



Ngô Long Phi

Kế toán trưởng



Trần Thị Tố Anh

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2026



Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Thái